TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 18/5/2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Vũ Thị Tuyến**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Bạc Thị Kiên**

Bà **Nguyễn Thị Tâm**

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thu Hương** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2020 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2020/QĐST - HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2020/QĐST - HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lò Thị L** - sinh năm: 1975; Nơi ĐKHKTT: Bản P, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Chỗ ở: Bản N, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Vì Văn Nh** - sinh năm: 1979; Địa chỉ: Bản P, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/01/2020 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn chị Lò Thị L trình bày:

- *Về hôn Nh:* Chị L và anh Nh kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 06/4/2002 tại Uỷ ban nhân dân xã Thanh An, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại Bản P, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Cuộc sống chung của anh chị hòa thuận hạnh phúc cho đến tháng 8/2018 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do quan điểm sống bất đồng, anh Nh nghiện ma túy, hay đánh đập chị L dẫn đến vợ chồng

thường xuyên xảy ra cãi nhau. Anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng mâu thuẫn không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng. Chị L cũng đã sống ly thân với anh Nh từ tháng 8/2018 cho đến nay không còn đi lại và quan tâm gì đến nhau nữa. Nay tình cảm của chị L đối với anh Nh không còn nữa vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Nh.

- *Về con chung:* Chị L, anh Nh có 03 con chung là: Vì Thị M - sinh ngày 09/12/2003, Vì Thị Tr - sinh ngày 20/10/2007 và Vì Văn V - sinh ngày 19/10/2012. Hiện cả ba cháu đang ở với chị L. Ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cả ba cháu và không yêu cầu anh Nh phải cấp dưỡng nuôi con chung cho các cháu vì anh Nh nghiện ma túy không có khả năng cấp dưỡng. Về thu nhập của chị L từ nghề làm ruộng được khoảng 5.000.000 đồng - 6.000.000 đồng/1 tháng, chị L đảm bảo có đủ khả năng về thời gian cũng như về điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu.

- *Về tài sản:*

+ Tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của nguyên đơn tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn giữa chị Lò Thị L và anh Vì Văn Nh thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Vì Văn Nh đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc giải quyết vụ án nhưng anh Nh vẫn không đến tham gia phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của anh Nh không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

**) Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Nh là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện được pháp luật công nhận, chị L cho rằng cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi nhau, nguyên nhân là do quan điểm sống bất đồng, anh Nh nghiện ma túy, hay đánh đập chị (được chứng minh tại Đơn đề nghị ngày 19/02/2020 của chị Lò Thị L có xác nhận của chính quyền địa phương, BL: 32). Trong đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa chị L khẳng định chị không còn tình cảm với anh Nh nữa nên anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 8/2018 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa, vì vậy chị L tha thiết có nguyện vọng xin được ly hôn với anh Nh.

Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án anh Nh không trả lời thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và cũng không đến tham gia phiên hòa giải để trình bày quan điểm của mình, điều đó đã thể hiện anh Nh chưa thực sự có thiện chí đoàn tụ. Mặt khác, anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 8/2018 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Vì vậy, không có căn cứ để chứng minh rằng cuộc sống chung của chị L và anh Nh vẫn hòa thuận, hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh Nh đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị L được ly hôn với anh Nh là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

**) Về con chung:* Chị L và anh Nh có 03 con chung là: Vì Thị M - sinh ngày 09/12/2003, Vì Thị Tr - sinh ngày 20/10/2007 và Vì Văn V - sinh ngày 19/10/2012. Hiện cả ba cháu đang ở với chị L, nguyện vọng của chị L sau khi ly hôn là được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả ba cháu và không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con chung cho các cháu vì anh Nh nghiện ma túy, không có thu nhập nên không có khả năng để nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nh cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con chung nhưng xét về mặt thực tế hiện tại các cháu đang ở cùng với chị L, anh Nh là người nghiện ma túy và không có thu nhập, các cháu đều có nguyện vọng xin được ở với chị L. Mặt khác, tại bản tự khai và tại phiên tòa chị L khai thu nhập của chị từ nghề làm ruộng được khoảng 5.000.000 đồng - 6.000.000 đồng/1 tháng, chị L đảm bảo có đủ khả năng về thời gian cũng như về điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu. Vì vậy, để đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho các con chung của chị L và anh Nh, Tòa án cần giao cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc cả ba cháu và anh Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho các cháu là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình.

**) Về tài sản:*

+ Tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

*) *Về án phí*: Chị Lò Thị L là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí, căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị L.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 69, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Về hôn nhân: Chị Lò Thị L được ly hôn với anh Vì Văn Nh.

2. Về con chung: Giao 03 con chung là: Vì Thị M - sinh ngày 09/12/2003, Vì Thị Tr - sinh ngày 20/10/2007 và Vì Văn V - sinh ngày 19/10/2012 cho chị Lò Thị L được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị L không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản:

+ Tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

4. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị L.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự chị Lò Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/5/2020). Anh Vì Văn Nh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Điện Biên;
- UBND xã Thanh An, huyện Điện Biên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện ĐB;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Tuyến